



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH  
NĂM 2019**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH  
NĂM 2019**





## **I – Thông tin chung**

### **1. Thông tin khái quát**

- **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100939 (Đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2015. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 07 năm 2016).
- Vốn điều lệ: 93.000.000.000 đồng (Chín mươi ba tỷ đồng) được chia thành 9.300.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:
  - + Cổ phần Nhà nước là 6.385.867 cổ phần, tương đương 63.858.670.000 đồng, chiếm 68,67% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là: 1.665.600 cổ phần, tương đương 16.656.000.000 đồng, chiếm 17,91% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 930.000 cổ phần, tương đương 9.300.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần bán công khai là 318.533 cổ phần, tương đương 3.185.330.000 đồng, chiếm 3,42% vốn điều lệ.
- Địa chỉ: số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 043 38541262; 043 8541263; 043 8541264.
- Số fax: 043 8582063.
- Website: <http://www.thuongdinhfootwear.com.vn/>
- Mã cổ phiếu : GTD
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Giày Thượng Đình là một doanh nghiệp Nhà nước có tiền thân là Công ty xí nghiệp X30 được thành lập tháng 1/1957, chịu sự quản lý của Cục quân nhu – Tổng cục hậu cần – Quân đội nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ sản xuất mũ cứng và giày vải cung cấp cho quân đội. Cho đến nay, lịch sử Công ty đã trải qua gần 60 năm, 60 năm là quãng thời gian gắn bó với lịch sử của đất nước, nhưng đối với lịch sử của một công ty là thời gian đủ để chứng minh Công ty đã trải qua bao khó khăn thử thách, thăng trầm để liên tục phát triển và khẳng định vị thế của mình. Kể từ khi ra đời đến nay, Công ty TNHH MTV Giày Thượng Đình đã trải qua nhiều giai đoạn chính như sau:

- **Giai đoạn 1957 – 1960:** Phân xưởng giày vải đầu tiên được đưa vào sản xuất ngày 19/05/1959 trước sự cố gắng quyết tâm của cán bộ công nhân viên xí nghiệp. Năm 1960 đạt hơn 60 nghìn chiếc mũ, trên 20 nghìn đôi giày vải ngắn cổ.



- **Giai đoạn 1960 – 1972:** Năm 1961 xí nghiệp X30 được chuyển giao cho cục công nghiệp Hà Nội quản lý sau đó sát nhập xí nghiệp với một số cơ sở công ty hợp danh thành lập xí nghiệp giấy vải Hà Nội. Năm 1970 trong sản lượng 2 triệu đôi giày vải đã có 390.193 đôi giày Basket vượt biên xuất khẩu sang Liên Xô và Đông Âu cũ, với số lượng cán bộ công nhân viên lên đến gần 1000 người.

- **Giai đoạn 1973 – 1989:** Một số phân xưởng tách ra thành lập xí nghiệp theo yêu cầu phát triển của ngành giấy. Tháng 08 năm 1978 xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình được thành lập trên cơ sở sát nhập xí nghiệp Giấy vải Hà Nội và xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình cũ. Nhiệm vụ sản xuất trong thời kì này chủ yếu là sản xuất giày bảo hộ lao động phục vụ quốc phòng và xuất khẩu chủ yếu là giày Basket cho Liên Xô cũ và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Năm 1989 xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình tách thành hai xí nghiệp giấy vải Thụy Khê và xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình.

- **Giai đoạn 1991 – 2011:**

- Tháng 07 năm 1992 Xí nghiệp chính thức thực hiện chương trình hợp tác xuất khẩu kinh doanh giấy vải xuất khẩu với công ty Kỳ Quốc – Đài Loan, tổng kinh phí đầu tư nhà xưởng, thiết bị sản phẩm là 1,2 triệu USD. Từ đây công suất đạt khoảng 5 triệu đôi/năm.

- Tháng 9 năm 1992 lô hàng đầu tiên của xí nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế được xuất sang thị trường Pháp và Đức. Ngày 08 tháng 07 năm 1993 được sự đồng ý của UBND thành phố Hà Nội, phạm vi chức năng của Xí nghiệp đã mở rộng, trực tiếp xuất khẩu và kinh doanh giấy-dép cũng như các nguyên liệu, máy móc, ngoài ra còn kinh doanh cả du lịch và dịch vụ chính vì vậy Xí nghiệp đổi tên thành “Công ty Giấy Thượng Đình” thông qua giấy phép thành lập Công ty 2753/QĐUB ngày 08 tháng 07 năm 1993 của UBND Thành phố Hà Nội, giấy phép đăng ký kinh doanh số 10842 cấp ngày 24 tháng 07 năm 1993 do trọng tài kinh tế thành phố Hà Nội, giấy phép kinh doanh xuất khẩu số 2051013 loại hình doanh nghiệp Nhà nước.

- Năm 1996 sản phẩm Công ty đã đạt giải TOPTEN, là một mặt hàng được người tiêu dùng ưa thích nhất do báo Đại đoàn kết đứng ra tổ chức.

- Đầu năm 1999 được cấp chứng chỉ ISO 9002 và 2000 của tổ chức QUAVERT (cơ quan chứng nhận của tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam) và tổ chức PSD Singapore (thành viên chính thức của tập đoàn chứng nhận quốc tế IQNET), ngoài ra Công ty còn nhiều giải thưởng khác nữa.

- Cuối năm 2002 Công ty đã lắp mới đồng bộ và đưa vào sử dụng 2 dây chuyền sản xuất giày thể thao nam với công suất hơn 2 triệu đôi giày/năm. Áp dụng công nghệ và trang bị của Hàn Quốc với sản phẩm mới này Công ty được đánh giá là một doanh nghiệp phát triển mạnh, năng động, sáng tạo thích nghi với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Tháng 07/2004, công ty Giấy Thượng Đình thành lập thêm nhà may Giấy Da xuất khẩu tại khu công nghiệp Đồng Văn – Hà Nam.

- Ngày 26/07/2005, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH NN MTV Giấy Thượng Đình, trực thuộc UBND thành phố Hà Nội theo quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/07/2005 của UBND thành phố Hà Nội.



- Ngày 29/06/2011 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/06/2011 của UBND thành phố Hà Nội.

- **2011 đến nay:**

- Ngày 24/02/2015, Công ty đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình. Công ty đã triển khai thực hiện thành công việc cổ phần hóa doanh nghiệp và chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình.

- Ngày 08/06/2015, Công ty tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với tổng số cổ phần chào bán thành công là 1.903.200 cổ phần và giá đấu thành công bình quân là 48.177 đồng/cổ phần.

- Ngày 25/05/2016, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.

- Ngày 19/07/2016, Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100939, do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 93.000.000.000 đồng.

- Ngày 19/10/2016, Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 7048/UBCK-GSDC của UBCKNN.

- Ngày 26/10/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 127/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 9.300.000 cổ phiếu.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- **Ngành nghề kinh doanh:**

Hiện nay, Công ty đang đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh, nhưng hoạt động của Công ty tập trung vào một số ngành nghề kinh doanh chính cụ thể như sau:

+ Sản xuất giấy dếp – Mã ngành 1520

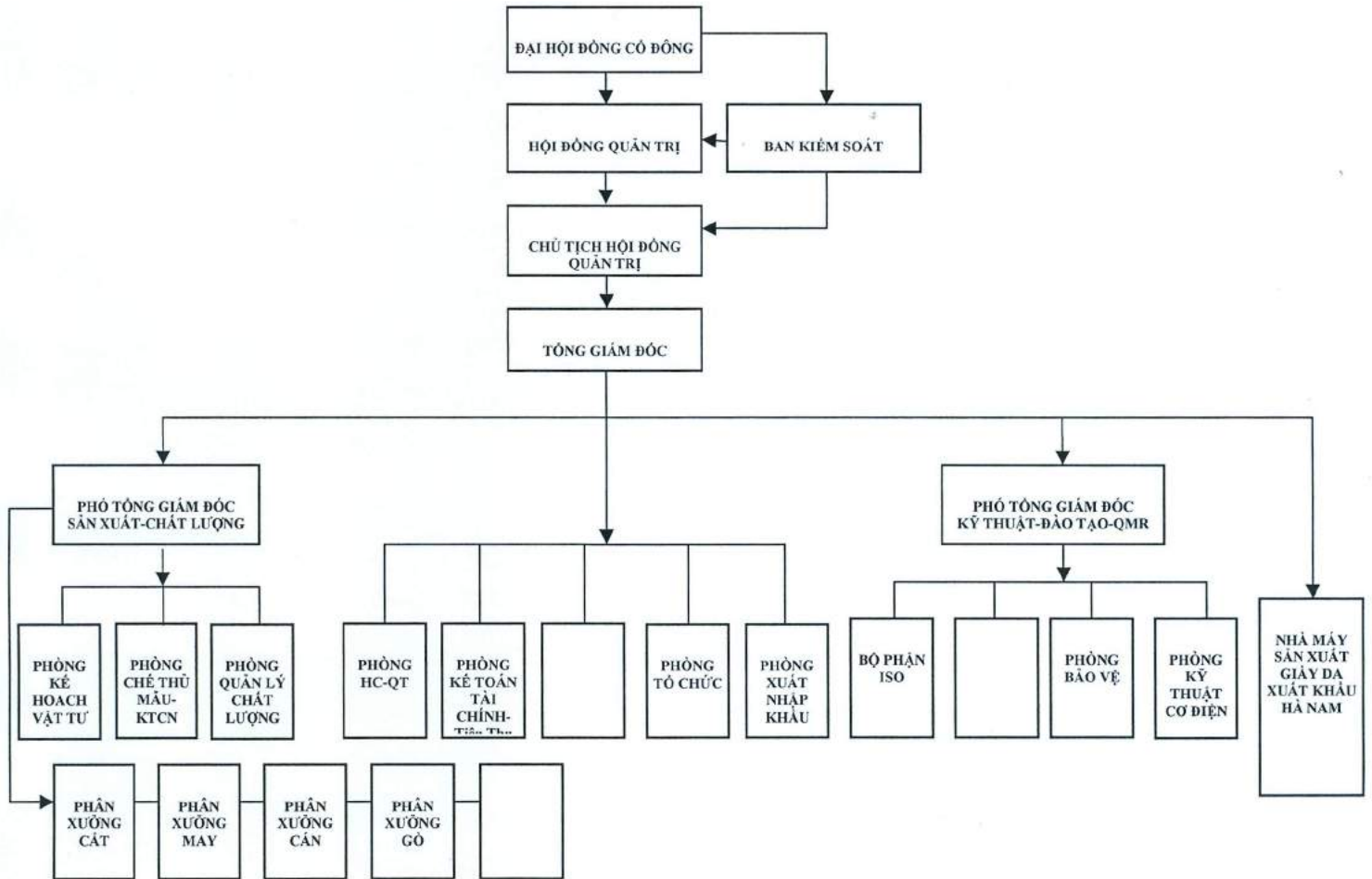
+ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh – Mã ngành 8299

- **Địa bàn kinh doanh:**

Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ Việt nam. Và chủ yếu xuất khẩu sang thị trường các nước EU, châu úc, và một số nước châu á như Nhật bản, Hàn quốc ...

**3. Thông tin về mô hình quản tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

**a. Mô hình quản trị:** Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình hoạt động theo mô hình tổ chức Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Mô hình tổ chức của Công ty như sau:



**b. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:**

• **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm.
- Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Công ty.



- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát. Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban Kiểm soát.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty (nếu có).
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty theo quy định của pháp luật.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

• **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác (Phó Tổng

Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, Kế toán trưởng); quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

- **Ban Kiểm soát (BKS)**

Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 thành viên, nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- BKS thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của công ty.
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.



- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ.

• **Ban Tổng Giám đốc**

Cùng với Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc là người đại theo pháp luật của công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người trợ giúp cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Theo biên chế, Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình hiện tại gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

• **Bộ máy quản lý nghiệp vụ của Công ty được tổ chức thành các phòng:**

- Phòng Xuất nhập khẩu
- Phòng Kế hoạch vật tư
- Phòng Kế toán tài chính- Tiêu thụ
- Phòng Tổ chức.
- Phòng Hành chính
- Phòng Bảo vệ
- Phòng Quản lý chất lượng (QC)
- Phòng Chế thử mẫu- Công nghệ
- Phòng Kỹ thuật cơ điện.

*Trong đó, các bộ phận sản xuất được chia thành các đơn vị:*

- Phân xưởng Cắt
- Phân xưởng May
- Phân xưởng Gò
- Phân xưởng Cán.
- Nhà máy Hà Nam

c. **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

**4. Định hướng phát triển:**

\* Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi là sản phẩm kinh doanh giấy dếp các loại, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, quản lý tốt chi phí sản xuất.

- Đảm bảo lợi ích của các cổ đông, người lao động và sự phát triển bền vững của công ty.

\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tổ chức, cơ cấu lại sản xuất kinh doanh thu hẹp sản xuất, dừng sản xuất các sản phẩm tiêu thụ chậm và không hiệu quả. Tập trung vào các sản phẩm có thế mạnh và sức tiêu thụ tốt.

- Đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

\* Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty:

- Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của công ty.

- Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi công ty cư trú bằng các hình thức đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương cơ quan cấp trên hoạt động.

- Chăm lo đời sống tinh thần, thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động trong công ty.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội tại công ty như: Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên.

- Thực hiện các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng theo nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

## **5. Các nhân tố rủi ro**

- Rủi ro về thị trường: Đơn hàng xuất khẩu giảm, thị trường trong nước bị cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong và ngoài nước.

- Thị trường lao động luôn biến động, không ổn định.

- Sự cạnh tranh về giá cả giữa các nước sản xuất giấy dếp trong bối cảnh khó khăn về kinh tế dẫn đến giá bán sản phẩm tiêu thụ giảm trong khi đó chi phí sản xuất gồm nguyên vật liệu, tiền lương và các chi phí khác tăng liên tục.

## **II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động trong năm**

\* Năm 2019 là một năm sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn. Đơn hàng xuất khẩu không thuận lợi do thay đổi xu hướng tiêu dùng giấy dếp, chuyển từ dòng giấy vải lưu hóa sang dòng giấy thể thao gò dán, các đơn hàng xuất khẩu sang Châu Âu giảm. Khách hàng đòi hỏi về đánh giá nhà máy, trách nhiệm xã hội và đánh giá năng lực đáp ứng về các điều kiện kỹ thuật trong sản xuất. Đây là điểm yếu của Công ty hiện nay vì đã lâu không thay đổi và đầu tư máy móc thiết bị mới, công nghệ mới. Đơn hàng nội địa thì phải cạnh tranh các cơ sở sản xuất tư nhân nhỏ, bán không hóa đơn, cạnh tranh giấy Trung Quốc, có hiện tượng làm giả cả giấy đá bóng và KK, xu hướng và thị hiếu tiêu dùng chuyển sang dòng giấy thể thao. Bên cạnh đó, Công ty còn gặp khó khăn về tài chính như nợ khó đòi, các khoản chi phí tăng cao như lương, bảo



hiêm,.. đặc biệt là khấu hao và tiền thuê đất. Với những khó khăn trên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty cùng Ban tổng giám đốc cũng đã tìm mọi biện pháp để ổn định duy trì sản xuất cơ bản, đảm bảo được việc làm, thu nhập cho người lao động.

Đối với công tác thị trường và khách hàng: Đối với thị trường xuất khẩu đã bám sát các yêu cầu khách hàng. Triển khai thực hiện nhanh các yêu cầu như làm mẫu chào, mẫu đối, báo giá, các thông tin về XNK...Duy trì khách hàng truyền thống và phát triển thêm các khách hàng mới. Đối với thị trường nội địa tìm biện pháp có thêm khách hàng mới và thị trường mới, duy trì thị trường phía nam, kết hợp với công ty thương mại trong nước để sản xuất và bán các sản phẩm do công ty sản xuất.

Công tác tài chính: tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, mất cân đối thu chi, do vậy xử lý và giải quyết các vấn đề liên quan tài chính gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, tuy vậy cũng có nhiều cố gắng. Kết hợp các phòng ban chức năng để theo dõi vòng vốn xuất khẩu thông qua việc áp dụng linh hoạt các phương thức thanh toán đối với khách hàng, giảm chi phí lãi vay. Theo dõi công nợ, cân đối các khoản phải thu, phải trả các nhà cung ứng, tiền vay và lãi trả ngân hàng, thuê đất, bảo hiểm.

Công tác sản xuất chất lượng: Hàng tuần đã có tổ chức họp giao ban sản xuất để thống nhất kế hoạch sản xuất trong tuần, giải quyết các vướng mắc phát sinh về kỹ thuật, công nghệ. Đã bám sát các yêu cầu kế hoạch sản xuất và giao hàng của các đơn hàng xuất khẩu, các chủng loại giấy bán trong nước.

Một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2019

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.878.046.304
Các khoản giảm trừ doanh thu	30.286.811
Doanh thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.847.759.493
Giá vốn hàng bán	146.190.849.980
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.656.909.513
Doanh thu từ hoạt động tài chính	492.241.702
Chi phí tài chính	1.947.884.024
Chi phí bán hàng	2.949.101.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.236.398.548
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-12.984.141.693
Thu nhập khác	3.910.733
Chi phí khác	237.195.681
Lợi nhuận khác	-233.284.948

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-13.217.426.641
Chi phí thuế TNDN hiện hành	0
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	-13.217.426.641

Ghi chú: Số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Tổ chức:

Danh sách ban điều hành:

#### a. Danh sách Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc
2	Bùi Tất Thắng	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Thế Huân	Phó Tổng giám đốc
4	Trịnh Thị Thúy Mai	Kế toán trưởng

#### b. Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

##### Tổng giám đốc:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN KHIÊM**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 05/10/1972
4. Nơi sinh: Bắc Ninh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Số 4, Ngõ 191/43 Đường Lạc Long Quân, Tổ 9, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
7. CMTND: 012636037 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội  
Ngày cấp: 17/10/2011.
8. SĐT liên lạc: 0903428260
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không.
12. Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1995 – 08/1999	Phòng XNK - Công ty Giày Thượng Đỉnh	Nhân viên
09/1999 – 12/2012	Phòng XNK - Công ty Giày Thượng Đỉnh	Phó phòng
1/2013 – 18/07/2016	Phòng XNK - Công ty Giày Thượng Đỉnh	Trưởng phòng
19/07/2016 - nay	Công ty Cổ phần Giày Thượng Đỉnh	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 10.700 cổ phần tương ứng 0,12% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà Nội: 1.023.000 Cổ phần, tương ứng 11% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không

15. Các khoản nợ đối với công ty: không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: không

#### **Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: **BÙI TÁT THẮNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 31/10/1969
4. Nơi sinh: Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Số nhà 27, Ngõ 43, Phố Kim Đồng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
7. CMTND: 012684657 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội  
Ngày cấp: 16/03/2004.
8. SĐT liên lạc: 0913213023
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Hà Nội.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1992 – 11/1996	Phòng kế hoạch – Công ty Giày Thượng Đĩnh	Nhân viên
12/1996 – 12/1999	Phòng kế hoạch – Công ty Giày Thượng Đĩnh	Phó phòng
01/2000 – 10/2006	Phòng sản xuất gia công – Công ty Giày Thượng Đĩnh	Trưởng phòng
11/2006 – 06/2008	Phòng kế hoạch – Công ty Giày Thượng Đĩnh	Trưởng phòng
07/2008 – 18/07/2016	Phòng kế hoạch – Công ty Giày Thượng Đĩnh	Trợ lý giám đốc- Trưởng phòng
19/07/2016 – 04/2018	Phòng kế hoạch – Công ty Cổ phần Giày Thượng Đĩnh	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng, Thành viên HĐQT
04/2018 - nay	Công ty cổ phần Giày Thượng Đĩnh	Phó Tổng giám đốc, thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 2.200 cổ phần tương ứng 0,024% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà nội: 1.023.000 cổ phần, tương ứng 11% vốn điều lệ.
- Sở hữu người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): vợ là: Lưu Thị Hồng Điệp sở hữu 1.800 cổ phần, tương ứng 0,02 % vốn điều lệ. CMTND: 011902690 cấp ngày 15/04/2001 tại Công an Thành phố Hà nội.

15. Các khoản nợ đối với công ty: không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: không

• **Phó tổng giám đốc**

1. Họ và tên: **NGUYỄN THẾ HUÂN**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 08/12/1960



4. Nơi sinh: Hà Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: số 4 – 89/3 Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội.
7. CMTND: 012708005 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội  
Ngày cấp: 14/05/2004
8. SDT liên lạc: 0904241342
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1985 – 10/1985	Xí nghiệp giấy nhựa Cao su Nam Định	Nhân viên
11/1985 – 06/1988	Xí nghiệp giấy nhựa Cao su Nam Định	Kỹ thuật PX
06/1988 – 09/1991	Xí nghiệp giấy nhựa Cao su Nam Định	Bí thư đoàn
11/1988 – 07/1995	Xí nghiệp giấy nhựa Cao su Nam Định	Quản đốc PX
08/1995 – 09/1995	Phòng kỹ thuật – Xí nghiệp Giấy Nhựa Cao su Nam Định	Nhân viên
09/1995 – 02/1997	Xí giấy nhựa nghiệp Cao su Nam Định	Nhân viên
03/1997 – 06/1999	Phòng kỹ thuật – Công ty Giấy Thượng Đình	Phó phòng
06/1999 – 03/2010	Phòng kỹ thuật – Công ty Giấy Thượng Đình	Trưởng phòng
04/2010 – 18/07/2016	Công ty Giấy Thượng Đình	Phó tổng giám đốc
19/07/2016 – nay	Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình	Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 2.900 cổ phần, tương ứng với 0.03% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà nội: 1.023.000 cổ phần, tương ứng với 11% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không
- 15. Các khoản nợ đối với công ty: không.
- 16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không
- 17. Lợi ích liên quan đối với công ty: không.

• **Kế toán trưởng**

1. Họ và tên: Trịnh Thị Thúy Mai
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 27/08/1966
4. Nơi sinh: Quảng Ninh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: 513- Khu 1 TT Thành Công , Ba Đình, Hà nội
7. CMTND: 011245990 Nơi cấp: Công an TP Hà nội
8. Ngày cấp: 23/03/2009.
9. Số điện thoại liên lạc : 0986350919
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
11. Chức vụ đang nắm giữ ở công ty: Kế toán trưởng
12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Hà nội.
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1993- 08/2008	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Nhân viên
09/2008 – 09/2009	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Phó phòng
10/2009 – 07/2014	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Phó phòng
08/2014 – 18/07/2016	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Quyền Trưởng phòng
19/07/2016 – nay	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Kế toán trưởng

14. Hành vi vi phạm pháp luật: không
15. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - Sở hữu cá nhân: 2.100 Cổ phần, tương ứng 0,02 % vốn điều lệ.
  - Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà nội: 247.867 cổ phần, tương 2.67% vốn điều lệ.



- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): Không

16. Các khoản nợ đối với công ty: Không

17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không

18. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

## 2.2 Nhân sự:

Tính đến 31/12/2019, tổng số lao động của công ty là: 469 người.

### *Một số chính sách đối với người lao động và những thay đổi trong năm 2019:*

Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: ký hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ lễ phép, việc riêng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kỹ thuật lao động, an toàn bảo hộ lao động.

Ngoài ra, công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỉ niệm trong năm như quốc tế phụ nữ, quốc tế thiếu nhi, năm mới.

#### *Các chế độ phúc lợi khác:*

- Thưởng các dịp lễ, tết, thưởng cuối năm;
- Tiền ăn giữa ca;
- Bảo hộ lao động;
- Các khoản trợ cấp khác: trợ cấp khó khăn, chế độ nghỉ mát hàng năm.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

## 4. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	163.891.365.891	143.348.520.776	
Doanh thu thuần	174.282.555.775	165.847.759.493	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-4.670.507.955	-12.984.141.693	
Lợi nhuận khác	-114.791.433	-233.284.948	
Lợi nhuận trước thuế	-4.785.299.388	-13.217.426.641	
Lợi nhuận sau thuế	-4.831.684.666	-13.217.426.641	

**b. Các chỉ tiêu tài chính khác**

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	Ghi chú
<b>1. Hệ số thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,99962	0,92249	
Nợ ngắn hạn	91.996.531.759	84.671.113.285	
Hệ số thanh toán nhanh	0,432	0,367	
Hàng tồn kho	52.238.571.429	47.064.568.810	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,56	0,59	
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,28	1,44	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay của hàng tồn kho	2,902	2,94	
- Giá vốn	158.009.578.395	146.190.849.980	
- Hàng tồn kho bình quân	54.447.738.195	49.651.570.119	
Vòng quay của tài sản	1,088	1,079	
- Doanh thu thuần	174.282.555.775	165.847.759.493	
- Tổng tài sản bình quân	160.078.461.989	153.619.943.333	
<b>4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-0,027	-0,079	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	-0,052	-0,142	
- Vốn chủ sở hữu bình quân	93.000.000.000	93.000.000.000	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-0,029	-0,092	
Hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,027	-0,078	



**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- **Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty**

STT	Họ và tên	Số CMT/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	<b>Cổ đông nhà nước: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội</b> Các đại diện sở hữu gồm:	<i>Theo Quyết định số 912/QĐ-UBND</i>	<i>Số 12 Lê Lai, Hoàn Kiếm, Hà Nội</i>	<b>6.385.867</b>	<b>68,67%</b>
	<i>Nguyễn Duy Tân</i>	<i>012983364</i>	<i>Số 93B, Tổ 4B, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội</i>	<i>2.697.000</i>	<i>29%</i>
	<i>Nguyễn Văn Khiêm</i>	<i>012636037</i>	<i>Số 4, ngõ 191/43, đường Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội</i>	<i>1.023.000</i>	<i>11%</i>
	<i>Nguyễn Thế Huân</i>	<i>012708005</i>	<i>Số 4, Ngách 89/3, Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội</i>	<i>1.023.000</i>	<i>11%</i>
	<i>Bùi Tất Thắng</i>	<i>012684657</i>	<i>Số 27, ngõ 43, Kim Đồng, Hoàng Mai, HN</i>	<i>1.023.000</i>	<i>11%</i>
	<i>Trịnh Thị Thúy Mai</i>	<i>011245990</i>	<i>P513, K1, Khu TT Thành Công, Hà Nội</i>	<i>247.867</i>	<i>2,67%</i>
	<i>Trần Thị Châu Giang</i>	<i>011688612</i>	<i>Tổ 8, Cụm 2, Từ Liêm, Tây Hồ, Hà Nội</i>	<i>372.000</i>	<i>4%</i>
2	<b>Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thái Bình</b>	<i>0304686687</i>	<i>Số 263 Phan Chu Trinh, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP HCM</i>	<b>930.000</b>	<b>10%</b>
3	<b>Nguyễn Văn Nam</b>	<i>011650891</i>	<i>48 Quốc Bảo, Văn Điển, Thanh Trì, Hà nội</i>	<b>1.030.100</b>	<b>11,07%</b>
<b>Tổng cộng</b>				<b>8.345.967</b>	<b>89,74%</b>

- **Danh sách cổ đông sáng lập:** Công ty không có cổ đông sáng lập
- **Cơ cấu cổ đông:**

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>133</b>	<b>9.300.000</b>	<b>100%</b>
	Tổ chức	2	7.315.867	78,67%
	Cá nhân	131	1.984.133	21,33%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>133</b>	<b>9.300.000</b>	<b>100%</b>

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

### 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

1. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm.

- Vải các loại: 635.000 m

- Hóa chất:

- Kếp các loại: 180 tấn
- Các loại bột độn: 287 tấn
- Các loại hóa chất: 52,6 tấn
- Các loại keo, xử lý: 101 tấn
- Các loại dung môi: 57,6 tấn

- Chỉ may: 63.000.000m

- Vật tư bao bì:

- Giấy độn, bọc giấy: 18 tấn
- Túi nilon: 1.800.000 chiếc
- Thùng carton: 64.000 chiếc
- Dây giấy: 1.700.000 đôi



Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty.

Công ty tận dụng phế xê, pavia sau khi cắt mũ giấy để thay giấy độn nhồi giấy nội địa thành phẩm nhằm tiết kiệm vật tư

Lượng rác thải: 180 tấn

Tỷ lệ tận dụng: 10%

## 6.2 Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tổng điện năng sử dụng: 1.810 triệu KW

Tổng lượng than sử dụng: 380.650 Tấn

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

## 6.3 Tiêu thụ điện nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: sử dụng nguồn nước máy phục vụ sinh hoạt và nồi hơi. Lượng sử dụng: 166m<sup>3</sup>/ ngày.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước của Công ty, một phần được tái sử dụng để làm mát máy móc trong quá trình Cán, phần còn lại thải ra cống ngầm Thành phố.

Lượng nước tái sử dụng: 35m<sup>3</sup>/ ngày (tương đương 21%)

## 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty đã tiến hành đo kiểm môi trường 02 lần, đo kiểm nước thải 02 lần. Kết quả quan trắc các thông số nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

Công ty đã được UBND thành phố cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 270/GP - UBND ngày 25/05/2016.

Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm luật pháp và các quy định về môi trường.

## 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

*a.Số lượng người lao động:* 469 người

- Thu nhập bình quân của người lao động: 6.500.000 đồng / tháng.

*b.Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động*

- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách, BHYT, HBXH theo quy định đối với người lao động.

- Trang bị đủ BHLĐ cho người lao động

- Tổ chức thăm quan, nghỉ dưỡng, bồi dưỡng độc hại cho người lao động.

**c. Hoạt động đào tạo người lao động**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
- Trong năm đã tổ chức đào tạo các lớp sau

TT	Nội dung đào tạo	Số người đào tạo	Số giờ đào tạo
1	Đào tạo định kỳ về ATLĐ cho CBCNV	400	1
2	Đào tạo định kỳ về PCCN cho CBCNV	406	1
3	Đào tạo định kỳ về PCCC cho CBCNV	400	1
4	Đào tạo người quản lý phụ trách ATVSLĐ	20	8

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không có.

**6.6 Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Ủng hộ Trường Sa: 3.000.000 đồng
- Thăm gia đình thương binh, liệt sỹ dịp 27/7 và tết âm lịch: 1.200.000 đồng
- Ủng hộ Quỹ xã hội từ thiện của Công đoàn ngành Công thương: 6.000.000 đồng
- Ủng hộ các chương trình của Đoàn khối doanh nghiệp tổ chức bằng tiền và giấy trị giá: 4.000.000 đồng.
- Tham gia gia các hoạt động VHVN, TDTT do Quận, Khối, Thành phố tổ chức.

**6.7 Hoạt động thị trường vốn xanh: Không có**

**III. Báo cáo và đánh giá của ban giám đốc.**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

\* Các chỉ tiêu hợp nhất

Chỉ tiêu	2018	2019	So Sánh
doanh thu thuần	174.282.555.775	165.878.046.304	95%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-4.785.299.388	-13.217.426.641	
Tổng lợi nhuận sau thuế	-4.831.684.666	-13.217.426.641	
Số lao động (người)	603	469	78%
Thu nhập bình quân/ đầu người/ tháng	6.500.000	6.500.000	100%



- Năm 2019 được ban Tổng Giám đốc đánh giá là năm gặp rất nhiều khó khăn do thị trường bị thu hẹp, đơn hàng xuất khẩu không thuận lợi, sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nội địa. Bên cạnh đó, tình hình lao động biến động theo xu hướng giảm đặc biệt là công nhân sản xuất trực tiếp giảm nhiều so với năm 2018. Ngoài ra, các chi phí sản xuất tăng cao như chi phí tiền lương, thuê đất, BHXH, chi phí dịch vụ trong khi đó giá bán sản phẩm cả xuất khẩu và nội địa phần lớn đều không tăng so với năm 2018. Chính vì vậy mặc dù Công ty đã áp dụng mọi biện pháp xong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 không đạt được như kỳ vọng, chỉ tiêu doanh thu thuần chỉ đạt 95% so với cùng kỳ và đạt 94% so với kế hoạch. Công ty đã nỗ lực cố gắng để đảm bảo đủ việc cho người lao động với thu nhập bình quân 6.500.000 đồng/tháng/người đạt 100% so với cùng kỳ.

## 2. Tình hình tài chính

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

### 2.1. Khấu hao tài sản cố định:

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	08 năm

### 2.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

- Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

### 2.3. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
- Thuế GTGT	1.731.147.815	1.747.789.870
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	36.010.140	87.902.615
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	15.149.765	24.937.000
- Tiền thuê đất	5.454.770.806	8.446.412.755
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.420.000	4.000.000
<b>Tổng</b>	<b>9.244.442.800</b>	<b>10.311.042.240</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 và năm 2019

#### 2.4. Tình hình công nợ hiện nay:

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn, dài hạn tại 31/12/2018, và 31/12/2019:



Đơn vị: đồng

Chi tiêu	31/12/2018		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	39.284.596.709	39.284.596.709	29.062.681.834	29.062.681.834
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thành Công (*)	39.284.596.709	39.284.596.709	29.062.681.834	29.062.681.834
Đồng Việt Nam	24.758.724.150	24.758.724.150	27.391.362.549	27.391.362.549
Vay ngoại tệ	14.525.872.559	14.525.872.559	1.671.319.285	1.671.319.285
+ Nguyên tệ (USD)	624.903,10	624.903,10	71.946,59	71.946,59
+ Quy đổi (đồng)	14.525.872.559	14.525.872.559	1.671.319.285	1.671.319.285
<b>Vay dài hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thành Công (*)				
Vay ngoại tệ				
+ Nguyên tệ (USD)				
+ Quy đổi (đồng)				
<b>Tổng</b>	<b>39.284.596.709</b>	<b>39.284.596.709</b>	<b>29.062.681.834</b>	<b>29.062.681.834</b>

<b>2.5. Các khoản phải thu</b>		<i>Đơn vị: đồng</i>
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2019</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu khách hàng	31.367.599.365	26.789.689.171
Trả trước cho người bán	1.570.250.896	1.229.863.308
Phải thu khác	983.058.437	1.007.705.832
Dự phòng khoản phải thu khó đòi	-	-
<b>Tổng</b>	<b>33.920.908.698</b>	<b>29.027.258.311</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2018 và 2019.*

**Nợ xấu của Công ty cổ phần giày Thượng Đình tại thời điểm 31/12/2019:**

<b>Đối tượng công nợ</b>	<b>31/12/2019</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Đối tượng nợ</b>
Đỗ Thị Hòa (*)	6.042.076.599	Phát sinh từ năm 2014
Nguyễn Khánh Toàn (*)	3.559.692.131	Phát sinh từ năm 2014
Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại (*)	1.770.815.438	Phát sinh từ năm 2014
Next PLC	825.628.154	Phát sinh từ năm 2013
<b>Tổng</b>		

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần giày Thượng Đình.*

(\*) Đây là các khoản phải thu do bà Đỗ Thị Hòa đứng tên chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ (trong đó ông Nguyễn Khánh Toàn là con rể bà Hòa; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại do bà Hòa làm giám đốc). Tổng số dư tại ngày 31/12/2019 của các khoản công nợ này là 11.372.584.168 đồng.



<b>2.6 Các khoản nợ phải trả</b>		<i>Đơn vị: đồng</i>	
<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>Nợ ngắn hạn</b>		
1	Phải trả người bán	34.869.298.263	29.709.483.244
2	Người mua trả tiền trước	779.099.136	6.202.630.750
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.712.616.168	3.195.612.543
4	Phải trả người lao động	2.463.939.481	3.622.616.900
5	Phải trả ngắn hạn khác	11.838.200.126	12.563.969.775
6	Vay và nợ ngắn hạn	39.284.596.709	29.062.681.834
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.781.876	8.781.876
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	40.000.000	305.336.363
	<b>Nợ dài hạn</b>		
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>91.996.531.759</b>	<b>84.671.113.285</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2019*

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

\* Về cơ cấu tổ chức: Sắp xếp lại một số bộ phận phòng ban và phân xưởng phù hợp với biến động lao động, tình hình đơn hàng.

\* Về chính sách: Chưa có cải tiến mới

\* Về công tác điều hành, quản lý: Chưa có cải tiến mới

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Tập trung nguồn lực phát triển thị trường mới, đa dạng mẫu mã sản phẩm với hàm lượng chất xám, giá trị kinh tế cao. Duy trì ổn định các khách hàng, thị trường, sản phẩm truyền thống. Tăng cường các biện pháp quản lý giám sát để giảm các chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chủ động nắm bắt các công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất giấy dếp... Xây dựng chiến lược phát triển ngành nghề là thế mạnh của Công ty, nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của Công ty.

### **5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình xin phép được giải trình những ý kiến ngoại trừ được nêu trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 như sau:



Về khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi 12.218.212.322 đồng. Đối với khoản này, theo biên bản thuế ngày 16/05/2019 được cho là thiếu căn cứ để trích lập dự phòng. Về phía công ty, trong thời gian tới sẽ tiếp tục có những biện pháp thu hồi.

Về vật tư, thành phẩm tồn kho chậm luân chuyển, Công ty đã họp bàn biện pháp và lập kế hoạch tận dụng vật tư tồn kho để sản xuất cho những đơn hàng năm 2020. Bên cạnh đó, công ty có kế hoạch chào bán những thành phẩm chậm luân chuyển.

#### **6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.**

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của Công ty không chỉ đảm bảo chất lượng chất lượng tốt mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường, thành công luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn cụ thể.

- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 9001:2008, đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng.
- Chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, đảm bảo độ đồng đều và ổn định.
- Tất cả các sản phẩm do công ty sản xuất trong môi trường làm việc phù hợp với các yêu cầu về trách nhiệm xã hội và điều kiện lao động của nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cùng với quá trình phát triển sản xuất, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tới tác động xấu đến môi trường. Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến tác động của môi trường.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn cố gắng tìm nhiều giải pháp duy trì sản xuất, cơ bản đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. An ninh trật tự, an toàn doanh nghiệp được đảm bảo. Các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng được tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động. Ngoài ra Công ty còn tích cực tham gia hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương khi có điều kiện.

##### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty**

Mặc dù công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành, xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất. Nhưng trước những khó khăn gặp phải trong nhiều năm qua, sự cố gắng trên chưa mang lại kết quả như mong muốn, sản xuất kinh doanh vẫn chưa đạt được như kỳ vọng, có những chi phí chưa tiết giảm được nhiều. Đây là điều mà ban lãnh đạo cùng các đơn vị trong Công ty phải xem xét đánh giá, cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới, đồng thời tìm ra các giải pháp hiệu quả nhất để thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất như mục tiêu do



Đại hội đồng cổ đông đề ra và kỳ vọng của cổ đông, cán bộ công nhân viên trong Công ty cho năm 2019.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Năm 2020 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục đối mặt với những khó khăn hơn năm 2019. Vì vậy để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cần phải:

- Tìm kiếm đối tác liên kết, hợp tác sản xuất kinh doanh nhằm đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất để có sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường cũng như thị hiếu của khách hàng.

- Chủ động trong việc kiểm soát dòng tiền, minh bạch tài chính, có kế hoạch ngân sách rõ ràng, giữ kỷ luật tài chính kinh doanh.

- Có biện pháp cụ thể để thắt chặt chi tiêu, cắt giảm chi phí không phù hợp.

- Tổ chức, sắp xếp lại bộ máy nhân sự đảm bảo tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu và vận dụng các chính sách ưu đãi của Chính phủ cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID 19.

- Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn Nhà Nước theo chỉ đạo của UBND TP.Hà Nội để chủ động trong việc tái cấu trúc lại công ty.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

STT	Ngày	Nội dung
1	28/06/2019	Thông qua: (1) Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018, kế hoạch năm 2019; (2) Báo cáo tài chính năm 2018; (3) Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018; (4) Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018; (5) Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TVHĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch	25/05/2016	04	100%	
2	Nguyễn Văn Khiêm	Thành viên	25/05/2016	04	100%	
3	Bùi Tất Thắng	Thành viên	25/05/2016	04	100%	

4	Nguyễn Thế Huân	Thành viên	25/05/2016	04	100%	
5	Trần Thanh Tú	Thành viên	25/05/2016	01	25%	Đi công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp
6	Nguyễn Văn Nam	Thành viên	25/05/2016	01	25%	Đi công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp

**a. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với ban Giám đốc**

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc. Kết thúc năm 2019, doanh thu và lợi nhuận không đạt yêu cầu đề ra, bên cạnh những khó khăn từ phía khách quan thì ban Tổng giám đốc Công ty cần phải bám sát tình hình thực tế và chủ động hơn trong điều hành để hoạt động SXKD có hiệu quả.

**b. Các quyết định của Hội đồng quản trị**

- Chỉ đạo Ban Điều hành có những phương án, giải pháp để cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đặc biệt khi có nhu cầu vay vốn ngân hàng phải có kế hoạch cụ thể về thời gian vay và thanh toán cho mỗi Hợp đồng vay vốn. Đồng thời, quản lý dòng tiền hiệu quả, thực hành tiết kiệm, kiểm soát tiêu hao nguyên vật liệu, kiểm tra giám sát các chi phí.
- Ban điều hành Công ty phải có các biện pháp cụ thể để kiểm soát chặt chẽ các chi phí để giảm giá thành sản phẩm đối với cả giấy xuất khẩu và nội địa.
- Ban Tổng giám đốc phải khẩn trương cùng với các phòng ban tham mưu phải nỗ lực tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, có phương án và thời gian triển khai cụ thể để cắt giảm lao động gián tiếp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả giảm chi phí.
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc cần quyết liệt trong công tác thu hồi tiền hàng, thu hồi công nợ.
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc bố trí, tổ chức sản xuất đáp ứng thời gian, chất lượng của các đơn hàng giảm tối đa sự khiếu nại của khách hàng.
- Ban điều hành công ty phải quan tâm, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về nguồn lực để đảm bảo hoạt động ổn định sản xuất của Nhà máy Hà Nam.



### 3. Ban kiểm soát

Thông tin về Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV Ban kiểm soát	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do
1	Trần Thị Châu Giang	Trưởng ban	25/05/2016	02	100%	
2	Bùi Việt Cường	Thành viên	25/05/2016	02	100%	
3	Lưu Thị Thanh	Thành viên	25/05/2016	02	100%	

#### a. Hoạt động của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

- Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
- Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết, quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát đã kiểm tra phân tích các số liệu của Báo cáo tài chính, đánh giá các chỉ số và tình hình tài chính của Công ty.

#### b. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty phối hợp tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin và tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát.
- Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh và đóng góp ý kiến cho các hoạt động quản trị điều hành Công ty.

### VI. Báo cáo tài chính:

#### Trích báo cáo kiểm toán số 086/2020/BCKT-PB.00336

##### 1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Giấy Thượng Đình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo



cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

## **2. Trách nhiệm của ban Tổng Giám Đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## **3. Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## **4. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như Công ty trình bày tại thuyết minh 8.4 Số liệu so sánh. Công ty hoàn nhập các khoản dự phòng phải thu khó đòi theo biên bản kiểm tra thuế ngày 16/05/2019 số tiền 12.218.212.322 đồng. Điều này làm cho chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 giảm đi số tiền 12.218.212.322 đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 tăng thêm số tiền 12.218.212.322 đồng. Nếu Công ty thực hiện đúng quy định tại điểm 1.4, điều 45, thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về nguyên tắc kế toán dự phòng phải thu khó đòi thì chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng thêm số tiền 12.218.212.322 đồng và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có một số vật tư, thành phẩm chậm luân chuyển, Công ty chưa xem xét đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho này. Chúng tôi không thể thu



thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2019 của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá đây là thời kỳ công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh đặc biệt khi có thông tin nhà máy phải di dời tại 277 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội dẫn đến việc giảm lượng khách hàng xuất khẩu đáng kể đồng thời công nhân nghỉ việc rất nhiều. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa trích trước trợ cấp thôi việc cho người lao động. Theo quy định hiện hành, trợ cấp thôi việc cho người lao động được xác định mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng. Thời gian để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

#### **5. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ.**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **6. Vấn đề cần nhấn mạnh.**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 8.5 “Thông tin về hoạt động liên tục”, Hiện số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty có thể không được đảm bảo. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty sẽ cố gắng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Ban giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục là phù hợp.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tài liệu đính kèm

Báo cáo tài chính 2019 đã được kiểm toán

**CHỦ TỊCH**  
  
**NGUYỄN DUY TÂN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019





## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính	10 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH nhà nước MTV Giấy Thượng Đình trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/06/2016 của UBND thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01/09/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 19/07/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, mã số doanh nghiệp 0100100939.

Vốn điều lệ: 93.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 9.300.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: GTD

Trụ sở chính của Công ty tại số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 04 là 93.000.000.000 đồng (chín ba tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

Sản xuất các loại giấy vải, giấy thể thao

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

Ông Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Thanh Tú	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Tất Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thế Huân	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT

#### ***Ban Tổng Giám đốc***

Ông Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tất Thắng	Phó Tổng Giám đốc

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm cho tới thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Tân – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Nguyễn Văn Khiêm – Tổng Giám đốc.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính cho năm tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Văn Khiêm**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020





Số: 086/2020/BCKT-PB.00336

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Giấy Thượng Đình (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như Công ty trình bày tại thuyết minh 8.4 Số liệu so sánh. Công ty hoàn nhập các khoản dự phòng phải thu khó đòi theo biên bản kiểm tra thuế ngày 16/05/2019 số tiền 12.218.212.322 đồng. Điều này làm cho chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 giảm đi số tiền 12.218.212.322 đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 tăng thêm số tiền 12.218.212.322 đồng. Nếu Công ty thực hiện đúng quy định tại điểm 1.4, điều 45, thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về nguyên tắc kế toán dự phòng phải thu khó đòi thì chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng thêm số tiền 12.218.212.322 đồng và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có một số vật tư, thành phẩm chậm luân chuyển, Công ty chưa xem xét đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2019 của Công ty.



Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá đây là thời kỳ công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh đặc biệt khi có thông tin nhà máy phải di dời tại 277 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội dẫn đến việc giảm lượng khách hàng xuất khẩu đáng kể đồng thời công nhân nghỉ việc rất nhiều. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa trích trước trợ cấp thôi việc cho người lao động. Theo quy định hiện hành, trợ cấp thôi việc cho người lao động được xác định mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng. Thời gian để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 8.5 "Thông tin về hoạt động liên tục", Hiện số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty có thể không được đảm bảo. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty sẽ cố gắng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Ban giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục là phù hợp.



**Phạm Tuấn Vũ**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

A blue ink signature of Lê Viết Cường.

**Lê Viết Cường**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2478-2018-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>78.108.018.503</b>	<b>91.961.610.299</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.675.524.683</b>	<b>1.208.092.280</b>
1. Tiền	111		1.675.524.683	1.208.092.280
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>4.249.249.903</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4.249.249.903
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.027.258.311</b>	<b>33.920.908.698</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	26.789.689.171	31.367.599.365
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.229.863.308	1.570.250.896
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.007.705.832	983.058.437
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>47.064.568.810</b>	<b>52.238.571.429</b>
1. Hàng tồn kho	141		47.064.568.810	52.238.571.429
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>340.666.699</b>	<b>344.787.989</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	254.462.039	331.989
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	270.131.380
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		86.204.660	74.324.620
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>65.240.502.273</b>	<b>71.929.755.592</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>64.633.246.026</b>	<b>69.946.137.940</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	64.633.246.026	69.946.137.940
- Nguyên giá	222		179.750.521.247	179.690.521.247
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.117.275.221)	(109.744.383.307)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>607.256.247</b>	<b>1.983.617.652</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	607.256.247	1.983.617.652
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>143.348.520.776</b>	<b>163.891.365.891</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>84.671.113.285</b>	<b>91.996.531.759</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>84.671.113.285</b>	<b>91.996.531.759</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	29.709.483.244	34.869.298.263
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	6.202.630.750	779.099.136
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.195.612.543	2.712.616.168
4. Phải trả người lao động	314		3.622.616.900	2.463.939.481
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		305.336.363	40.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	12.563.969.775	11.838.200.126
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	29.062.681.834	39.284.596.709
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.781.876	8.781.876
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>58.677.407.491</b>	<b>71.894.834.132</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>58.677.407.491</b>	<b>71.894.834.132</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.000.000.000	93.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.000.000.000	93.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		357.141.706	357.141.706
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(34.679.734.215)	(21.462.307.574)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(21.462.307.574)	(16.630.622.908)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(13.217.426.641)	(4.831.684.666)
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>143.348.520.776</b>	<b>163.891.365.891</b>



Nguyễn Văn Khiêm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Trịnh Thị Thúy Mai  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	165.878.046.304	174.282.555.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	30.286.811	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>165.847.759.493</b>	<b>174.282.555.775</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	146.190.849.980	158.009.578.395
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>19.656.909.513</b>	<b>16.272.977.380</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	492.241.702	640.672.392
7. Chi phí tài chính	22	6.5	1.947.884.024	2.661.084.170
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.626.287.295	2.216.984.028
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	2.949.010.336	3.193.954.719
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	28.236.398.548	15.729.118.838
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(12.984.141.693)</b>	<b>(4.670.507.955)</b>
11. Thu nhập khác	31		3.910.733	190.653
12. Chi phí khác	32		237.195.681	114.982.086
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(233.284.948)</b>	<b>(114.791.433)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(13.217.426.641)</b>	<b>(4.785.299.388)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	46.385.278
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(13.217.426.641)</b>	<b>(4.831.684.666)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(1.421)	(520)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(1.421)	(520)



Nguyễn Văn Khiêm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Trịnh Thị Thúy Mai  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2019	Năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(13.217.426.641)	(4.785.299.388)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.372.891.914	7.161.894.567
- Các khoản dự phòng	03	-	(12.218.212.322)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	139.152.321	230.133.982
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(320.187.726)	(374.942.267)
- Chi phí lãi vay	06	1.626.287.295	2.216.984.028
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(6.399.282.837)	(7.769.441.400)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.267.614.662	(1.597.656.765)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.174.002.619	4.418.333.531
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	2.631.240.713	4.804.590.079
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.122.231.355	2.855.590.143
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.626.287.295)	(2.216.984.028)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.169.519.217</b>	<b>494.431.560</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(60.000.000)	(79.500.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.547.930.229)	(4.249.249.903)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.797.180.132	7.188.591.667
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	320.187.726	374.942.267
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.509.437.629</b>	<b>3.234.784.031</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	98.004.683.519	111.723.187.286
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(108.226.598.394)	(116.405.549.890)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.221.914.875)</b>	<b>(4.682.362.604)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>457.041.971</b>	<b>(953.147.013)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.208.092.280</b>	<b>2.161.415.677</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10.390.432	(176.384)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.675.524.683</b>	<b>1.208.092.280</b>



Nguyễn Văn Khiêm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Trịnh Thị Thúy Mai  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THƯỢNG ĐÌNH

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

---

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính cho năm tài chính đính kèm.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình là được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/07/2005 của UBND thành phố Hà Nội. Tên cũ là Công ty TNHH nhà nước MTV Giấy Thượng Đình. Ngày 19/07/2016 chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước từ Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình theo quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/06/2016 của UBND thành phố Hà Nội. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0100100939 ngày 01/09/2005 và thay đổi lần thứ 4 ngày 19/07/2016.

Vốn điều lệ: 93.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 9.300.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: GTD

Trụ sở chính của Công ty tại số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 04 là 93.000.000.000 đồng (Chín ba tỷ đồng).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Sản xuất các loại giấy vải, giấy thể thao.

#### **1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **1.5 Cấu trúc công ty**

Công ty có 2 chi nhánh bao gồm:

- Nhà máy sản xuất giấy da xuất khẩu. Địa chỉ: khu công nghiệp Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình tại Sầm Sơn – Thanh Hóa. Địa chỉ: số 44, đường Tô Hiến Thành, phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính cho năm tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.3 Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a. Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b. Các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c. Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

	<u>Thời gian khấu hao (Số năm)</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	08

### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí làm nhà mẫu và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai do Công ty với thời hạn trừ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm.

Chi phí trả trước là giá trị lợi thế kinh doanh được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

### 4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên tổng giá trị công trình thi công có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được khi nhận vào thu nhập khác.

### 4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.15 Doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng hóa bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay;
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### 4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.490.675.323	485.637.906
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	184.849.360	722.454.374
<b>Cộng</b>	<b>1.675.524.683</b>	<b>1.208.092.280</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Central Park	3.357.529.342	-	6.414.274.453	-
Melcosa	985.289.636	-	2.072.382.688	-
Công ty TNHH TM BHLĐ Giày dép các loại (i)	11.372.584.168	-	11.372.584.168	-
Nguyễn Đắc Quý - CN TP Hồ Chí Minh	251.659.333	-	651.659.333	-
MANGO - Quanzhou	29.153.455	-	1.848.695.200	-
Dayu Foreign Trade Ltd Công ty CP Thanh Bắc - Thái Bình Dương	309.546.693	-	3.946.545.390	-
MHC (HK)	3.001.671.887	-	-	-
Bùi Hưng Diệp	2.529.505.193	-	28.525.446	-
NEXT PLC	825.628.154	-	825.628.154	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.127.121.310	-	4.207.304.533	-
<b>Cộng</b>	<b>26.789.689.171</b>	<b>-</b>	<b>31.367.599.365</b>	<b>-</b>

- (i) Trong số dư phải thu của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại có một số khoản trả hộ cho đối tượng khác, cụ thể:

Theo văn bản thỏa thuận ngày 14 tháng 03 năm 2017 giữa hộ kinh doanh Nguyễn Khánh Toàn; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại và Công ty, Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại sẽ thay hộ kinh doanh Nguyễn Khánh Toàn trả nợ cho Công ty với số tiền là 3.559.629.131 đồng.

Cũng theo văn bản thỏa thuận ngày 14 tháng 03 năm 2017 giữa hộ kinh doanh Đỗ Thị Hòa; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại và Công ty; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại sẽ thay hộ kinh doanh Đỗ Thị Hòa trả nợ cho Công ty với số tiền 6.042.076.599 đồng.

Theo quyết định số 05/2017/QĐST-DS ngày 3/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân công nhận sự thỏa thuận của giữa Công ty Cổ phần Giấy Thương Đình (nguyên đơn) và Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại (bị đơn) nội dung thỏa thuận như sau: Hai bên xác nhận Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại nợ Công ty Cổ phần Giấy Thương Đình số tiền 12.392.584.168 đồng, số nợ đã thanh toán trong năm 2017 là 1.000.000.000 đồng. Theo công văn số 10/2018/CV-CT ngày 2/2/2018 của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại đã xác nhận số tiền còn nợ là 11.392.584.168 đồng và cam kết trả nợ cho Công ty Cổ phần Giấy Thương Đình, tuy nhiên trong năm 2018 Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại chỉ thực hiện trả nợ số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số dư phải thu tại ngày 31/12/2019 của các khoản này là 11.372.584.168 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Việt Hà (i)	350.000.000	-	350.000.000	-
Trung tâm tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng (i)	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty CP Kiến trúc đô thị Việt Nam (i)	100.000.000	-	100.000.000	-
Các đối tượng khác	579.863.308	-	920.250.896	-
<b>Cộng</b>	<b>1.229.863.308</b>	<b>-</b>	<b>1.570.250.896</b>	<b>-</b>

(i) Là các khoản ứng trước cho người bán liên quan đến dự án xây dựng nhà máy tại Hà Nam, tuy nhiên nhà máy đang tạm dừng.

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	54.792.240	-	34.860.000	-
Phải thu khác	952.913.592	-	948.198.437	-
Phải thu theo BBKT Cục thuế Hà Nam (i)	814.013.308	-	814.013.308	-
Các đối tượng khác	138.900.284	-	134.185.129	-
<b>Cộng</b>	<b>1.007.705.832</b>	<b>-</b>	<b>983.058.437</b>	<b>-</b>

(i) Là khoản điều chỉnh theo biên bản kiểm tra của Cục thuế tỉnh Hà Nam sau khi đã có phê duyệt chi phí cổ phần hóa và giá trị thực tế vốn góp nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình

**5.5 Nợ xấu**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại bảo hộ lao động Giấy dếp các loại	11.372.584.168	-	11.372.584.168	-
Next PLC	825.628.154	-	825.628.154	-
<b>Cộng</b>	<b>12.198.212.322</b>	<b>-</b>	<b>12.198.212.322</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.6 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.481.605.332	-	12.182.017.639	-
Công cụ, dụng cụ	160.883.597	-	229.651.643	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.468.901.520	-	10.175.506.656	-
Thành phẩm	26.953.178.361	-	29.651.395.491	-
Hàng hoá	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>47.064.568.810</b>	<b>-</b>	<b>52.238.571.429</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	165.667.572	331.989
Bảo hiểm cháy nổ	88.794.467	-
<b>Cộng</b>	<b>254.462.039</b>	<b>331.989</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	547.878.325	1.482.015.330
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	501.602.322
Các khoản khác	59.377.922	-
<b>Cộng</b>	<b>607.256.247</b>	<b>1.983.617.652</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THƯƠNG ĐÌNH

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2019	146.616.886.477	29.459.349.755	2.920.230.755	229.554.260	464.500.000	179.690.521.247
Mua trong năm	-	60.000.000	-	-	-	60.000.000
Số dư tại 31/12/2019	146.616.886.477	29.519.349.755	2.920.230.755	229.554.260	464.500.000	179.750.521.247
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư tại 01/01/2019	81.962.547.143	25.270.378.687	1.843.114.975	229.554.260	438.788.242	109.744.383.307
Khấu hao trong kỳ	3.975.292.882	1.084.941.038	298.633.390	-	14.024.604	5.372.891.914
Số dư tại 31/12/2019	85.937.840.025	26.355.319.725	2.141.748.365	229.554.260	452.812.846	115.117.275.221
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2019	64.654.339.334	4.188.971.068	1.077.115.780	-	25.711.758	69.946.137.940
Số dư tại 31/12/2019	60.679.046.452	3.164.030.030	778.482.390	-	11.687.154	64.633.246.026

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 24.076.494.564 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 17.758.555.278 đồng). Vốn phòng Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 27.026.862.170 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 27.063.572.329 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH TMDV Dệt May Thanh Tùng	2.007.029.576	2.007.029.576	5.873.599.932	5.873.599.932
Công ty Lợi Thành	4.518.013.255	4.518.013.255	4.268.300.878	4.268.300.878
Công ty TNHH NPL Da Giấy Phương Nam	1.215.047.000	1.215.047.000	2.557.879.437	2.557.879.437
HTX CN Trường Sơn	2.220.193.200	2.220.193.200	1.776.312.550	1.776.312.550
Công ty CP Thiên Sơn	2.392.493.055	2.392.493.055	2.069.448.040	2.069.448.040
Đối tượng khác	17.356.707.158	17.356.707.158	18.323.757.426	18.323.757.426
<b>Cộng</b>	<b>29.709.483.244</b>	<b>29.709.483.244</b>	<b>34.869.298.263</b>	<b>34.869.298.263</b>

**5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Giấy Thái Thịnh	4.097.932.020	4.097.932.020	-	-
Nippon Steel and Sumikin Bussan Corporation	413.144.782	413.144.782	413.144.782	413.144.782
Các đối tượng khác	1.691.553.948	1.691.553.948	365.954.354	365.954.354
<b>Cộng</b>	<b>6.202.630.750</b>	<b>6.202.630.750</b>	<b>779.099.136</b>	<b>779.099.136</b>

**5.11 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	1.410.588.868	1.410.588.868	1.342.511.875	1.342.511.875
Bảo hiểm trích theo lương	766.649.080	766.649.080	384.867.204	384.867.204
Phải trả khác	10.386.731.827	10.386.731.827	10.110.821.047	10.110.821.047
- Phải trả khoản nhận ứng trước hợp đồng (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải trả đối tượng khác	386.731.827	386.731.827	110.821.047	110.821.047
<b>Cộng</b>	<b>12.563.969.775</b>	<b>12.563.969.775</b>	<b>11.838.200.126</b>	<b>11.838.200.126</b>

(i) Khoản nhận trước của các Công ty tham gia hợp tác đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà ở cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại tại địa chỉ số 277 Nguyễn Trãi và số 74 phố Hạ Đình thuộc phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo thỏa thuận nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 01/2010/TTNTHTKD ngày 11/11/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	179.273.862	1.747.789.870	1.851.766.398	-	75.297.334
Thuế xuất, nhập khẩu	11.300.790	-	87.902.615	76.601.825	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.324.620	-	-	-	74.324.620	-
Thuế thu nhập cá nhân	579.250	-	24.937.000	21.045.970	-	3.311.780
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.016.338.681	8.446.412.755	8.828.744.382	-	2.634.007.054
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>86.204.660</b>	<b>3.195.612.543</b>	<b>10.311.042.240</b>	<b>10.782.158.575</b>	<b>74.324.620</b>	<b>2.712.616.168</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THƯƠNG ĐÌNH

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (i)	29.062.681.834	29.062.681.834	98.004.683.519	108.226.598.394	39.284.596.709	39.284.596.709
<b>Cộng</b>	<b>29.062.681.834</b>	<b>29.062.681.834</b>	<b>98.004.683.519</b>	<b>108.226.598.394</b>	<b>39.284.596.709</b>	<b>39.284.596.709</b>

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/19/HĐK/51465 ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa Công ty CP Giấy Thương Đình và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công với hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng và ngoại tệ tương đương, hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn cho vay và lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng tại KCN Đông Văn - Hà Nam theo hợp đồng thế chấp số 01/2011/TC/GTD-NITC ngày 25/08/2011; một số máy móc thiết bị của công ty tại số 277 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội và toàn bộ hành hóa luân chuyển, các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại của Khách hàng với các đối tác.

**5.14 Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>357.141.706</b>	<b>(16.623.479.463)</b>	<b>76.733.662.243</b>
Lỗ trong năm trước	-	-	(4.831.684.666)	(4.831.684.666)
Giảm khác	-	-	(7.143.445)	(7.143.445)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>357.141.706</b>	<b>(21.462.307.574)</b>	<b>71.894.834.132</b>
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>357.141.706</b>	<b>(21.462.307.574)</b>	<b>71.894.834.132</b>
Lỗ trong năm nay	-	-	(13.217.426.641)	(13.217.426.641)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>357.141.706</b>	<b>(34.679.734.215)</b>	<b>58.677.407.491</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
UBND thành phố Hà Nội	6.385.867	63.858.670.000	68,67%	6.385.867	63.858.670.000	68,67%
Công ty CP Đầu tư thương mại Thái Bình	930.000	9.300.000.000	10,00%	930.000	9.300.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	1.984.133	19.841.330.000	21,33%	1.984.133	19.841.330.000	21,33%
<b>Cộng</b>	<b>9.300.000</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>9.300.000</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>9.300.000</b>	<b>9.300.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>9.300.000</b>	<b>9.300.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	9.300.000	9.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>9.300.000</b>	<b>9.300.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	9.300.000	9.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHO NĂM TÀI CHÍNH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	165.878.046.304	174.282.555.775
<b>Cộng</b>	<b>165.878.046.304</b>	<b>174.282.555.775</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giảm giá hàng bán	30.286.811	-
<b>Cộng</b>	<b>30.286.811</b>	<b>-</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	146.190.849.980	158.009.578.395
<b>Cộng</b>	<b>146.190.849.980</b>	<b>158.009.578.395</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	320.187.726	374.942.267
Lãi chênh lệch tỷ giá	172.053.976	265.730.125
	<b>492.241.702</b>	<b>640.672.392</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	1.626.287.295	2.216.984.028
Lỗ chênh lệch tỷ giá	321.596.729	444.100.142
<b>Cộng</b>	<b>1.947.884.024</b>	<b>2.661.084.170</b>

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí khuyến mại, quảng cáo	-	1.488.401.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.949.010.336	1.705.553.052
<b>Cộng</b>	<b>2.949.010.336</b>	<b>3.193.954.719</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.311.233.275	14.929.311.280
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.571.779.352	1.617.524.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.232.820.731	2.828.503.050
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.120.565.190	8.571.992.367
Hoàn nhập dự phòng	-	(12.218.212.322)
<b>Cộng</b>	<b>28.236.398.548</b>	<b>15.729.118.838</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(13.217.426.641)</b>	<b>(4.785.299.388)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>232.370.438</b>	<b>170.029.765</b>
<i>Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá tiền và khoản phải thu</i>	<i>18.107.402</i>	<i>59.552.586</i>
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>233.684.948</i>	<i>110.477.179</i>
<i>Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá tiền và các khoản phải thu</i>	<i>(19.421.912)</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>(12.985.056.203)</b>	<b>(4.615.269.623)</b>
<b>Thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN các năm trước tính vào năm hiện hành	-	46.385.278
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>46.385.278</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(13.217.426.641)	(4.831.684.666)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(13.217.426.641)	(4.831.684.666)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	9.300.000	9.300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.421)</b>	<b>(520)</b>

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Các loại công cụ tài chính của Công ty**

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro khác về giá, chẳng hạn rủi ro về giá chứng khoán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

**Rủi ro về giá chứng khoán**

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Hiện tại, Công ty không đầu tư chứng khoán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn chênh lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời gian thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Vay và nợ	29.062.681.834	-	-	29.062.681.834
Phải trả người bán	29.709.483.244	-	-	29.709.483.244
Phải trả khác và Chi phí phải trả	12.177.237.948	-	-	12.177.237.948
<b>Cộng</b>	<b>70.949.403.026</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>70.949.403.026</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	39.284.596.709	-	-	39.284.596.709
Phải trả người bán	34.869.298.263	-	-	34.869.298.263
Phải trả khác và Chi phí phải trả	11.727.379.079	-	-	11.727.379.079
<b>Cộng</b>	<b>85.881.274.051</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>85.881.274.051</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	26.789.689.171	62.735.198.730	26.789.689.171	62.735.198.730
<i>Phải thu về cho vay</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	1.007.705.832	983.058.437	1.007.705.832	983.058.437
Tài sản tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.675.524.683	1.208.092.280	1.675.524.683	1.208.092.280
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.472.919.686</b>	<b>69.175.599.350</b>	<b>29.472.919.686</b>	<b>69.175.599.350</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	29.062.681.834	39.284.596.709	29.062.681.834	39.284.596.709
Phải trả người bán	29.709.483.244	34.869.298.263	29.709.483.244	34.869.298.263
Phải trả khác và Chi phí phải trả	12.177.237.948	11.727.379.079	12.177.237.948	11.727.379.079
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.949.403.026</b>	<b>85.881.274.051</b>	<b>70.949.403.026</b>	<b>85.881.274.051</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Công ty đang thuê đất trả tiền hàng năm tại các địa điểm như sau:

- Thuê đất tại số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 413/24599/ĐC-NQ-HĐTD ngày 29/10/1999 với Sở Địa chính – Nhà đất Hà Nội. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 01/01/2016. Hiện tại, Công ty đang làm các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY  
 AN  
 VA  
 NH  
 ÁC  
 P



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

- Thuê đất tại khu công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/08/2011 cho Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình. Thời gian thuê đến hết ngày 12/10/2054.
- Thuê đất tại phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/12/2016 cho Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình. Thời hạn thuê đến ngày 01/01/2036.

**8.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập Ban Giám đốc và HĐQT	1.076.001.000	1.110.113.000

**8.3. Trợ cấp thôi việc cho người lao động**

Theo quy định hiện hành, trợ cấp thôi việc cho người lao động được xác định mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng. Thời gian để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa trích trước trợ cấp thôi việc cho người lao động.

**8.4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Một số chỉ tiêu được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 16/05/2019 như sau:

TT	Khoản mục	Mã số	Số theo BCKIT năm 2018	Số trình bày lại	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
1	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(12.218.212.322)	-	(12.218.212.322)
2	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	120.709.898	74.324.620	46.385.278
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.708.111.261	2.712.616.168	(4.504.907)
4	LNST chưa phân phối năm nay	421b	(16.999.006.803)	(4.831.684.666)	(12.167.322.137)
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.947.331.160	15.729.118.838	12.218.212.322
2	Chi phí khác	32	110.477.179	114.982.086	(4.504.907)
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	46.385.278	(46.385.278)
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập	60	(16.999.006.803)	(4.831.684.666)	(12.167.322.137)
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.828)	(520)	(1.308)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 8.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2019, tổng số nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 6.563.094.782 đồng. Đồng thời số lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2019 là 34.679.734.215 đồng. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty, theo đó ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá đây là thời kỳ công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh đặc biệt khi có thông tin nhà máy phải di dời tại 277 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội dẫn đến việc giảm lượng khách hàng xuất khẩu đáng kể đồng thời công nhân nghỉ việc rất nhiều. Ban Giám đốc định hướng thời gian tới sẽ cầm cự và thúc đẩy nhanh việc thoái vốn. Ban Giám đốc Công ty sẽ cố gắng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới

### 8.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Nguyễn Văn Khiêm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Trịnh Thị Thúy Mai  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai  
Người lập biểu

